TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH Đ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2017/QĐDS-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v: Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH Đ

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Đăng Tố - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Ông Đoàn Văn Năng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đ tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 78/2017/TLST-VDS ngày 16 tháng 8 năm 2017, về việc: "Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú", theo Quyết định mở phiên họp số 26/2017/QĐPH-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ngân hàng Thương mại cổ phần H (Viết tắt: Ngân hàng H).

Địa chỉ: Số 25Bis, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. H

Người đại diện theo quy định của pháp luật: Anh Phan Đạt T, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 25Bis, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. H

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Ngân hàng H yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Huỳnh Phi H, sinh năm: 1964 và bà Phan Thị Minh N, sinh năm: 1964, nơi cư trú cuối cùng: Ấp 1, xã Phú Điền, huyện T, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ nhận định:

1. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng H yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Huỳnh Phi H và bà Phan Thị Minh N là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông H và bà N có nơi cư trú cuối cùng tại xã Phú Điền, huyện T, tỉnh Đ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu của Ngân hàng H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Về nội dung yêu cầu của đương sự:

Theo đơn yêu cầu của Ngân hàng H đề ngày 16/8/2017, bản tự khai ngày 12/9/2017 của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng H thể hiện:

Năm 2009, ông Huỳnh Phi H và bà Phan Thị Minh N cùng ký kết Hợp đồng tín dụng số TD09/0458/PL và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PL09/0334/HĐĐB ngày 09/10/2009 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á - Nay là Ngân hàng H để vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 15/10/2009 đến ngày 15/10/2012. Phương thức trả nợ: Gốc trả dần 12.500.000đ, lãi trả hàng tháng. Số gốc còn lại trả vào kỳ cuối. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền xây nhà. Lãi suất vay được quy định như sau: Lãi suất 1,0%/tháng, lãi suất được điều 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà N chỉ trả được 25.000.000đ tiền gốc, 11.153.180đ tiền lãi và liên tục vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận nên khoản vay của ông H và bà N đã chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 01/7/2010. Sau đó, ông H và bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đến ngày 05/7/2011, Ngân hàng đã ra quyết định thu hồi trước hạn và chuyển toàn bộ số dư nợ của ông H và bà N sang nợ quá hạn. Đến ngày 14/11/2011, Ngân hàng đã khởi kiện ông H và bà N để yêu cầu ông H, bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đơn khởi kiện của Ngân hàng đã được Tòa án thụ lý giải quyết và vụ án được giải quyết xong bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 53/2012/QĐST-DS ngày 27/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện T. Tuy nhiên, vì Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 53/2012/QĐST-DS ngày 27/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện T đã bị hủy theo Quyết định giám đốc thẩm số 06/2015/DS-GĐT ngày 25/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ. Vì vậy, việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng và ông H, bà N được thụ lý, giải quyết lại nhưng đến nay, Ngân hàng vẫn chưa thu hồi được khoản vay mà ông H và bà N nợ Ngân hàng.

Từ giữa năm 2013, ông Huỳnh Phi H và bà Phan Thị Minh N đã bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi chuyển đến và không có ý kiến gì về thanh toán số tiền mà ông H và bà N đang nợ Ngân hàng. Từ

khi bỏ đi cho đến nay, ông H và bà N không về địa phương và không có bất kỳ liên lạc gì với Ngân hàng nên Ngân hàng không biết ông H, bà N hiện đang ở đâu.

Để có cơ sở giải quyết vụ án dân sự đối với ông Huỳnh Phi H và bà Phan Thị Minh N, Ngân hàng H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Huỳnh Phi H, sinh năm 1964 và bà Phan Thị Minh N, sinh năm 1964, nơi cư trú cuối cùng: Ấp 1, xã Phú Điền, huyện T, tỉnh Đ.

Theo xác nhận của Công an xã Phú Điền, huyện T và qua xác minh tại địa phương, cho thấy: Ông Huỳnh Phi H, sinh năm 1964 và bà Phan Thị Minh N, sinh năm 1964, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp 1, xã Phú Điền, huyện T, tỉnh Đ nhưng đã đi khỏi địa phương từ giữa năm 2013 cho đến nay. Từ khi bỏ đi cho đến nay, ông H và bà N không trở về địa phương, ông H và bà N đi đâu, làm gì địa phương không biết. Tính đến thời điểm Ngân hàng H yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Huỳnh Phi H và bà Phan Thị Minh N thì ông H và bà N đã biệt tích hơn 03 (ba) năm và đến nay không có tin tức gì.

Trên cơ sở những tình tiết nêu trên, đồng thời căn cứ vào Điều 64 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 381 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 40 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 12 của Luật Cư trú năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2013), có đủ cơ sở để xác định ông H và bà N đã biệt tích tại nơi cư trú hơn 06 tháng liền; Ngân hàng H là người có quyền lợi, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông H và bà N. Yêu cầu của Ngân hàng H là có cơ sở chấp nhận.

Do Ngân hàng H không có yêu cầu quản lý tài sản của ông H và bà N nên Tòa án không xem xét.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Ngân hàng H là người yêu cầu giải quyết việc dân sự nên phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu: Về trình tự, thủ tục tố tụng Thẩm phán chủ tọa phiên họp đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng H về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Huỳnh Phi H, sinh năm 1964 và bà Phan Thị Minh N, sinh năm 1964, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp 1, xã Phú Điền, huyện T, tỉnh Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; Điều 149 và các Điều 370, Điều 371, 372, 381, 383, 386 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 64 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần H, về việc "Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú" đối với ông Huỳnh Phi H và bà Phan Thị Minh N.

Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với: Ông Huỳnh Phi H, sinh năm 1964 và bà Phan Thị Minh N, sinh năm 1964, nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Ấp 1, xã Phú Điền, huyện T, tỉnh Đ.

Quyết định thông báo tìm kiếm này đương nhiên hết hiệu lực trong trường hợp ông Huỳnh Phi H và bà Phan Thị Minh N trở về.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ngân hàng Thương mại cổ phần H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) Ngân hàng H đã nộp tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007431 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đ chuyển thành lệ phí. Ngân hàng H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu được quyền kháng cáo trong hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Quyết định này có thể bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Đăng Tố